

THỰC TIỄN PHÁP LUẬT VỀ NHẬP KHẨU NHẬT BẢN

1. Thực tiễn pháp luật về nhập khẩu hàng hóa của Nhật Bản

1.1. Danh mục hàng hóa HS

Hải quan thế giới đã xây dựng một hệ thống phân loại mới làm cầu nối và hài hòa các hệ thống phân loại hàng hóa khác. Với sự thông qua công ước HS của WCO (Tổ chức Hải quan thế giới), có thể nói danh mục HS đã trở thành một danh mục phân loại hàng hóa được chấp nhận trên toàn cầu. "Phân loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu" là việc căn cứ vào tên gọi, mô tả về tính chất, thành phần, cấu tạo, công dụng, quy cách đóng gói và các thuộc tính khác của hàng hoá để xác định, sắp xếp hàng hoá vào một mã số nhất định theo Hệ thống hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá. Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan. "Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá" (International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System) và Công ước do Hội đồng hợp tác Hải quan, nay gọi là Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) thông qua ngày 14 tháng 6 năm 1983 tại Bruxelles, Vương quốc Bỉ về "Hệ thống hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá", sau đây gọi tắt là Công ước HS. "Hệ thống hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá", sau đây gọi tắt là Hệ thống hài hoà (viết tắt là HS) là hệ thống bao gồm các quy tắc tổng quát, các chú giải bắt buộc và danh sách những nhóm hàng (mã 4 chữ số) được sắp xếp một cách có hệ thống ứng với tên, mô tả và mã số hàng hoá. Danh mục những nhóm hàng và phân nhóm hàng của Hệ thống hài hoà sau đây được gọi tắt là Danh mục HS. "Quy tắc tổng quát" là 6 (sáu) quy tắc chung để giải thích Hệ thống hài hoà nhằm phân loại hàng hoá vào một nhóm, phân nhóm nhất định. "Chú giải bắt buộc" là những nội dung giải thích các phần, chương và phân nhóm được gắn kèm ở đầu các phần, chương của Danh mục HS.

1.2. Chế độ nhập khẩu của Nhật Bản.

Nhật Bản đang cố gắng duy trì và phát triển chế độ mậu dịch tự do. Từ đầu những năm 80, Nhật Bản đã tiến hành các biện pháp kinh tế đối ngoại trong một số thời kỳ. Đặc biệt kể từ khi phê chuẩn chương trình hành động. Nhật Bản đã xúc tiến mở cửa thị trường bằng việc cắt giảm và bãi bỏ thuế nhập khẩu, chấm dứt và nói lỏng các biện pháp hạn chế số, cải thiện hệ thống cấp chứng nhận. Các nỗ lực này của Nhật Bản đã làm giảm bớt sự hạn chế nhập khẩu, đặc biệt là đối với hàng sản xuất công nghiệp và khai thác mỏ, những mặt hàng này chịu thuế trung bình 1,9%, mức thấp nhất

trong các nước công nghiệp phát triển. Bên cạnh đó, đối với hàng công nghiệp, Nhật Bản đã bãi bỏ tất cả các “Hạn chế nhập khẩu còn lại”.

Đối với nông sản nhập khẩu cho đến nay Nhật Bản vẫn đang cố gắng để tự do hàng nhập khẩu và mở rộng cửa thị trường cho các nông sản chính.

Các cố gắng này đã làm tăng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản một cách đều đặn. Ngày nay, Nhật Bản áp dụng các biện pháp toàn diện để mở rộng qui mô nhập khẩu. Các biện pháp này được áp dụng: Khuyến khích về thuế để đẩy mạnh nhập khẩu hàng công nghiệp, cắt giảm và bãi bỏ thuế nhập khẩu, cấp tín dụng nhập khẩu và các biện pháp khác. Các chính sách này đã làm giảm một khối lượng lớn thặng dư mậu dịch và nhằm mục đích cải thiện cán cân thanh toán quốc tế của Nhật.

1.2.1 . Các mặt hàng nhập khẩu tự do không hạn chế

Trên nguyên tắc, ngoại trừ một số ít mặt hàng, thị trường Nhật Bản là tự do trong lĩnh vực ngoại thương. Hiện tại hầu hết hàng nhập khẩu là các mặt hàng nhập khẩu tự do mà không cần xin cấp phép của Bộ Công nghiệp và Thương mại.

1.2.2 . Các mặt hàng nhập khẩu hạn chế

Một số mặt hàng nhập khẩu cần có sự phê chuẩn của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Thương mại ghi trong giấy thông báo nhập khẩu phù hợp với các Qui định về kiểm soát nhập khẩu. Thông báo này ghi rõ: 66 mặt hàng hạn chế nhập khẩu cần hạn ngạch nhập khẩu là vật nuôi, cây cối, các sản phẩm qui định trong Công ước Washington. Các hàng hoá sản xuất ở các gia mà cần phải có sự đồng ý cho phép nhập khẩu trước khi nhập khẩu, hay những hàng hoá được vận chuyển đến từ các quốc gia này (có 13 mặt hàng bao gồm cá voi, các sản phẩm từ cá voi và các hải sản từ các khu vực có qui định đặc biệt).

Thông báo nhập khẩu được đăng trên công báo, trong tờ Tsusanaho Koho (Bản tin chính thức của MITI) và tờ Tsusho Koho (Nhật báo Jetro).

1.2.3. Các mặt hàng tự do nhập khẩu

Hàng nhập khẩu mà không cần sự cho phép nhập khẩu hay xuất trình nhập khẩu và hoá đơn cho hải quan được gọi là các mặt hàng “Tự do nhập khẩu”. Các mặt hàng này gồm có:

- Hàng hoá nhập khẩu có kim ngạch nhỏ hơn 5 triệu yên, nhập khẩu cho các mục đích sử dụng cá nhân, hàng hoá liệt kê trong phụ lục 1 của Lệnh Kiểm soát Nhập khẩu.

- Hành lý đem vào Nhật theo phụ lục 2 của lệnh kiểm soát nhập khẩu.
- Hàng hoá được tạm thời bốc dỡ ở Nhật Bản.

Nhân viên hải quan quyết định mặt hàng nào thuộc diện hàng “Tự do nhập khẩu”.

1.3 Chế độ cấp giấy phép nhập khẩu

Hàng nhập khẩu được qui định bởi lệnh kiểm soát nhập khẩu theo mục 6 điều 15 của Luật Kiểm soát Ngoại thương và Ngoại hối. Các hàng hoá này gồm tất cả các loại động sản. Kim loại quý (vàng thoi, vàng hợp chất, tiền đúc không lưu thông và các mặt hàng khác có hàm lượng vàng cao), chứng khoán, giấy chứng nhận tài sản vô hình,...không thuộc sự điều tiết của lệnh kiểm soát nhập khẩu mà do lệnh kiểm soát ngoại hối qui định. Tuy hầu hết hàng nhập khẩu không cần giấy phép nhập khẩu của MITI nhưng các mặt hàng sau gồm cả những mặt hàng liệt kê trong thông báo nhập khẩu kể trên cần có giấy phép nhập khẩu.

+ Hàng thuộc 66 mặt hàng liệt kê trong thông báo nhập khẩu thuộc diện có hạn ngạch nhập khẩu.

+ Hàng hoá sản xuất hay vận chuyển từ các quốc gia, khu vực qui định trong thông báo nhập khẩu đòi hỏi phải có giấy phép nhập khẩu.

+ Hàng hoá đòi hỏi phương thức thanh toán đặc biệt.

+ Hàng hoá cần sự xác nhận sơ thẩm và phải đáp ứng được các qui định đặc biệt của Chính phủ như các loại vắc xin nghiên cứu.

Khi nhập khẩu mặt hàng cần giấy phép nhập khẩu hay sự xác nhận của một số Bộ, các nhà nhập khẩu được toàn quyền ký hợp đồng với các nhà xuất khẩu, nhưng việc ký và thực hiện hợp đồng phụ thuộc vào sự cho phép hay xác nhận của các Bộ có liên quan. Đặc biệt trong trường hợp hàng cần hạn ngạch nhập khẩu, nên nhớ rằng việc nhập khẩu các mặt hàng đó chỉ có thể sau khi có hạn ngạch nhập khẩu dựa theo thông báo hạn ngạch nhập khẩu chính thức.

Việc thanh toán hàng nhập khẩu cần giấy phép chỉ có thể thực hiện sau khi giấy phép nhập khẩu đã được cấp.

1.4. Chế độ hạn ngạch nhập khẩu

Chế độ hạn ngạch nhập khẩu được xây dựng nhằm định ra hạn ngạch về số lượng và trị giá hàng hoá nhập vào Nhật Bản. Hạn ngạch được tính toán trên cơ sở cầu trong

nước và các yếu tố khác. Thông báo nhập khẩu được xuất bản vào đầu và giữa năm tài chính, qui định trình tự các bước để xin hạn ngạch cho một hay một nhóm mặt hàng. Khi nhập khẩu một mặt hàng theo hạn ngạch, nhà nhập khẩu sẽ không được cấp giấy phép của ngân hàng quản lý ngoại hối hay các cơ quan khác nếu họ chưa xin được hạn ngạch của MITI.

Tổng giá trị hạn ngạch của một mặt hàng hay một nhóm hàng được xây dựng và từng hạn ngạch sẽ được phân cho các nhà nhập khẩu trong giới hạn của tổng hạn ngạch đó.

a . Chế độ theo dõi việc phân bổ hạn ngạch nhập khẩu

Theo chế độ này, hạn ngạch được phân bổ sẽ căn cứ vào tỉ lệ hạn ngạch của nhà nhập khẩu trong một thời kỳ cụ thể trong quá khứ so với tổng trị giá hay số lượng hạn ngạch của một mặt hàng hay một nhóm hàng.

b . Chế độ theo dõi việc thông quan

Theo chế độ này, trị giá hay số lượng hạn ngạch được phân bổ căn cứ vào tổng số lượng hay trị giá hạn ngạch dự tính hoặc đã thực hiện được trong thời gian trước.

c .Chế độ thông báo chính thức

Theo chế độ này, việc phân bổ hạn ngạch được căn cứ vào số lượng hay trị giá hạn tối đa do các cơ quan nhà nước phân trước cho các nhà nhập khẩu. Mức hạn ngạch được quyết định trước này được qui định trong các thông báo chính thức gửi các nhà nhập khẩu.

d. Chế độ theo đơn đặt hàng

Theo chế độ này, hạn ngạch được phân bổ hoặc căn cứ vào số lượng hoặc vào trị giá hàng đã được đặt mua bởi người tiêu dùng cuối cùng.

e. Chế độ theo đầu người

Theo chế độ này, số lượng và trị giá hạn ngạch được phân bổ bình đẳng cho các nhà nhập khẩu. Chế độ thường được dùng đi đôi với một trong hai chế độ theo dõi nói trên.

f. Chế độ Olympic (Ai xin trước được trước)

Theo chế độ này, hạn ngạch được phân theo nguyên tắc “Ai xin trước được trước” cho đến khi đạt đến một nửa số lượng hay trị giá cụ thể. Chế độ này có thể áp dụng cho các nhà nhập khẩu có tài liệu theo dõi việc thông quan cho một mặt hàng cụ

thể nào đó, trong một thời kỳ nhất định trong quá khứ và nhà nhập khẩu này đã ký hợp đồng nhập khẩu mặt hàng đó.

g . Chế độ thống nhất ý kiến của các quan chức về phân bổ hạn ngạch

Theo chế độ này, hạn ngạch phân bổ cho nhà nhập khẩu sẽ được bàn bạc trong cuộc họp của các quan chức Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế và các Bộ khác.

1.5 .Chế độ thông báo nhập khẩu

Các nhà nhập khẩu có ý định hoặc đã nhập khẩu hàng hoá phải đệ trình lên MITI một bản thông báo nhập khẩu thông qua ngân hàng quản lý ngoại hối thanh toán cho lô hàng đó. Chế độ này được sử dụng để xác nhận các khoản thanh toán của các ngân hàng quản lý ngoại hối. Bản thông báo nhập khẩu không cần phải xuất trình đối với các mặt hàng “Tự do nhập khẩu” sau:

- + Các hàng hoá đặc biệt theo điều 14 của Luật Kiểm soát Nhập khẩu, gồm lô hàng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu yên.
- + Các hàng hóa mà nhà nhập khẩu phải thanh toán toàn bộ tiền hàng.

1.6 . Hệ thống ưu đãi thuế quan

Hệ thống ưu đãi thuế quan của Nhật Bản nhằm mục đích tăng kim ngạch xuất khẩu, thúc đẩy công nghiệp hoá và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng ở các nước đang phát triển bằng việc giảm thuế nhập khẩu đối với hàng hoá xuất từ các nước này. Hệ thống cũng góp phần vào việc giải quyết các bất đồng giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Hệ thống ưu đãi thuế quan của Nhật Bản bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 1971, nó dựa trên Hiệp ước của Hội nghị của Liên Hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) năm 1970. Hệ thống này được gia hạn áp dụng từ ngày 31/3/2001.

1.6.1. Yêu cầu và các quốc gia được hưởng ưu đãi thuế quan

a. Kể từ 1/4/1995, 142 quốc gia và 25 khu vực được hưởng qui chế ưu đãi thuế quan, bao gồm hầu hết các nước đang phát triển

b. Các yêu cầu để được hưởng qui chế ưu đãi thuế quan:

- Các nước đang phát triển.
- Nước thành viên của UNCTAD.
- Nước đã thiết lập hệ thống ngoại thương và thuế hải quan của riêng mình.
- Quốc gia và khu vực các nước được công nhận qui chế ưu đãi thuế quan.

- Các quốc gia mà Nhật Bản cho là thích hợp để được hưởng qui chế ưu đãi thuế quan.

1.6.2. Các sản phẩm đạt tiêu chuẩn qui chế ưu đãi thuế quan

a. Nông, lâm, thủy sản: 74 mặt hàng đã được công nhận hưởng Qui chế ưu đãi (Hệ thống danh sách tích cực). Các mặt hàng này được lựa chọn sau khi đã cân nhắc các ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp trong nước khi chúng được hưởng qui chế ưu đãi. Thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng này thấp hơn từ 10% – 100% so với biểu thuế chung. Thuế quan ưu đãi không áp dụng đối với các sản phẩm không có tên trong “Danh sách tích cực”.

b. Các sản phẩm công nghiệp, khai thác mỏ và các hàng hoá khác

Theo thông lệ, các sản phẩm công nghiệp và khai thác mỏ được hưởng ưu đãi sẽ không chịu thuế nhập khẩu. Tuy vậy, có “67 mặt hàng lựa chọn” mà thuế nhập khẩu không thể giảm đến 0 bởi cần tính đến các ngành sản xuất trong nước. Thay vào đó, các sản phẩm này phải chịu 50% so với thuế quan chung, 24 mặt hàng khác không được và thuộc “Danh sách tiêu cực”. Chúng bao gồm: Dầu thô, đồ da, lông cừu, dê, thỏ và các sản phẩm từ các loại lông này, gỗ dán, kén tầm, lụa thô, sợi lụa, vải lụa, sợi bông và sản phẩm dệt, giầy và các bộ phận của giầy.

1.6.3. Công nhận Qui chế hưởng ưu đãi thuế quan

a. Nông, lâm, thủy sản

Thông thường, nông lâm thủy sản đủ tiêu chuẩn hưởng Qui chế ưu đãi thuế quan thì không chịu giới hạn của hạn ngạch. Nói chung, biểu thuế ưu đãi được áp dụng không giới hạn. Tuy vậy nếu việc công nhận Qui chế ưu đãi đối với hàng nhập khẩu mà có thể gây ảnh hưởng xấu tới ngành nông – lâm ngư nghiệp trong nước thì một qui định về các trường hợp ngoại lệ sẽ được đưa ra để tạm hoãn qui chế ưu đãi của sản phẩm này.

Để áp dụng qui định này, phải chứng minh được việc áp dụng qui chế ưu đãi sẽ dẫn đến tăng kim ngạch nhập khẩu của nông, lâm, thủy sản và phải chứng minh các sản phẩm nhập khẩu đó sẽ phương hại đến việc sản xuất các mặt hàng tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp của các ngành. Bên cạnh đó, phải chứng minh rằng cần phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp để bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

b. Các sản phẩm công nghiệp, khai thác mỏ và các sản phẩm khác

Các sản phẩm công nghiệp và khai thác mỏ cũng được hưởng chế độ ưu đãi thuế quan như nông, lâm, thủy sản và đối với một số trường hợp ngoại lệ các sản phẩm đó cũng không được ưu đãi là các sản phẩm công nghiệp và khai khoáng được chỉ định cụ thể. Chúng chỉ được hưởng ưu đãi khi kim ngạch nhập khẩu không vượt quá hạn ngạch về số lượng hoặc trị giá mà Chính phủ đặt ra. Những hạn ngạch như vậy gọi là hạn ngạch trần và được xây dựng cho các nhóm hàng mỗi năm tài chính một lần. Các sản phẩm nhập khẩu đã sử dụng hết hạn ngạch thì không được hưởng ưu đãi thuế quan.

Hạn ngạch trần đối với hàng công nghiệp và khai thác mỏ được duy trì theo chế độ kiểm soát hàng ngày và hàng tháng và theo chế độ phân bổ sơ thẩm.

1.6.4. Điều kiện để hưởng ưu đãi thuế quan

a. Qui chế ưu đãi thuế quan

Ưu đãi thuế quan chỉ dành cho những hàng hoá nhập khẩu từ một khu vực hay quốc gia được hưởng Qui chế ưu đãi. Nói chung quốc gia hay khu vực mà hàng hoá được sản xuất sẽ được coi là nơi xuất xứ của hàng hoá.

b. Mức độ can thiệp của Nhật Bản

Vì mục đích tiêu chuẩn xuất xứ, nguyên liệu nhập từ Nhật Bản vào nước hưởng ưu đãi để sử dụng cho sản xuất sản phẩm xuất khẩu sang Nhật Bản được coi là xuất xứ từ nước hưởng ưu đãi.

Những qui định này không áp dụng đối với một số sản phẩm đặc biệt như hàng dệt và sản phẩm lông thú vì sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất trong nước. Để được hưởng ưu đãi thuế, các hàng hoá sử dụng nguyên liệu nhập từ Nhật phải có “Chứng nhận nguyên liệu nhập từ Nhật Bản” và được xuất trình cho hải quan khi khai báo hàng nhập khẩu.

c. Tiêu chuẩn xuất xứ

Hàng hoá được sản xuất tại một nước thành viên của Hiệp hội các nước Asean được coi là có xuất xứ ở nước đó nếu chúng đáp ứng tiêu chuẩn lũy kế. Cụ thể, hàng hoá sản xuất tại một nước thành viên Asean được coi là “Hàng hoá sản xuất toàn bộ” tại nước đó khi chúng được sản xuất từ nguyên liệu hay phụ tùng nhập khẩu từ các nước thành viên Asean khác hoặc từ Nhật Bản. Để áp dụng chế độ tiêu chuẩn này, một giấy chứng nhận sản xuất lũy kế phải được xuất trình cho hải quan khi khai báo hàng hoá.

1.6.5. Giấy chứng nhận xuất xứ (Form A)

a. Nội dung:

Giấy chứng nhận xuất xứ (Form A) bao gồm các nội dung: Đường vận chuyển, tiêu chuẩn xuất xứ, tổ chức chứng nhận tiêu chuẩn xuất xứ. Số chứng nhận và các thông tin liên quan khác. Giấy chứng nhận cấp theo khuôn mẫu quốc tế và dùng giấy xanh giống như giấy dùng cho chứng khoán tránh giả mạo.

b. Thủ tục xin cấp giấy chứng nhận

Form A sẽ được cấp nếu nhà xuất khẩu kê khai đầy đủ các mục cần thiết trong đơn xin cấp và nộp đơn đó lên hải quan hay các tổ chức được chỉ định cụ thể làm công việc cấp giấy chứng nhận khi họ xuất khẩu hàng. Người nhập khẩu hàng hóa đủ tiêu chuẩn hưởng ưu đãi thuế quan có trách nhiệm yêu cầu người xuất khẩu xuất trình các thông tin thích hợp. Nhà xuất khẩu phải thông báo cho tổ chức cấp giấy chứng nhận rằng hàng hoá liên quan đủ tiêu chuẩn hưởng Qui chế ưu đãi và chúng đáp ứng các tiêu chuẩn xuất xứ được hưởng ưu đãi của Nhật Bản. Trong trường hợp hàng hoá sản xuất dùng nguyên liệu nhập khẩu từ Nhật mà đã qua chế biến ở mức độ nhất định thì cần phải có thêm các giấy tờ khác.

c. Tổ chức cấp chứng nhận xuất xứ

Thông thường giấy chứng nhận xuất xứ do hải quan của nước xuất xứ cấp. Nếu hải quan nước xuất xứ không có trách nhiệm cấp thì giấy chứng nhận xuất xứ phải được cấp bởi một tổ chức công cộng đã được Giám đốc Hải quan Nhật ủy quyền để cấp giấy. Trong trường hợp này, tên con dấu của tổ chức này được đăng ký ở Nhật thông qua con đường ngoại giao.

d. Ngày cấp Form A

Form A được cấp vào lúc xuất khẩu. Form A được cấp sau khi giao hàng một khoảng thời gian tương đối thường được chấp nhận. Tuy vậy, trong các trường hợp đặc biệt như thiên tai, các giấy chứng nhận như vậy có thể được chấp nhận.

e. Thời gian hiệu lực

Việc xin hưởng ưu đãi thuế quan được tiến hành trong vòng một năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên, nếu các hoàn cảnh không thể tránh được như thiên tai hay gián đoạn trong vận chuyển và dỡ hàng làm cho không thể xuất trình được tờ khai nhập khẩu trong thời gian có hiệu lực của giấy chứng nhận xuất xứ thì thời gian có hiệu lực sẽ được gia hạn sau khi các tài liệu thích hợp được xuất trình.

f. Hoãn xuất trình giấy chứng nhận xuất xứ

Giấy chứng nhận xuất xứ xuất trình phải là bản gốc. Trong trường hợp không thể xuất trình được giấy chứng nhận khi khai báo nhập khẩu thì có thể được hoãn lại sau khi xuất trình các tài liệu tường trình việc cần phải hoãn. Thủ tục này đòi hỏi phải xuất trình hai bản sao “Đơn xin hoãn xuất trình Form A”. Các chứng từ giao dịch chứng minh việc xuất trình giấy chứng nhận bị chậm trễ do bất khả kháng, một bản sao của bức thư chứng minh đã xin giấy chứng nhận cũng phải được xuất trình.

Nếu việc hoãn xuất trình giấy chứng nhận được đồng ý thì hàng nhập khẩu có thể được giao trước khi có giấy phép nhập khẩu nếu nộp một khoản tiền đặt cọc bằng tiền thuế hải quan tính theo biểu thuế chung.

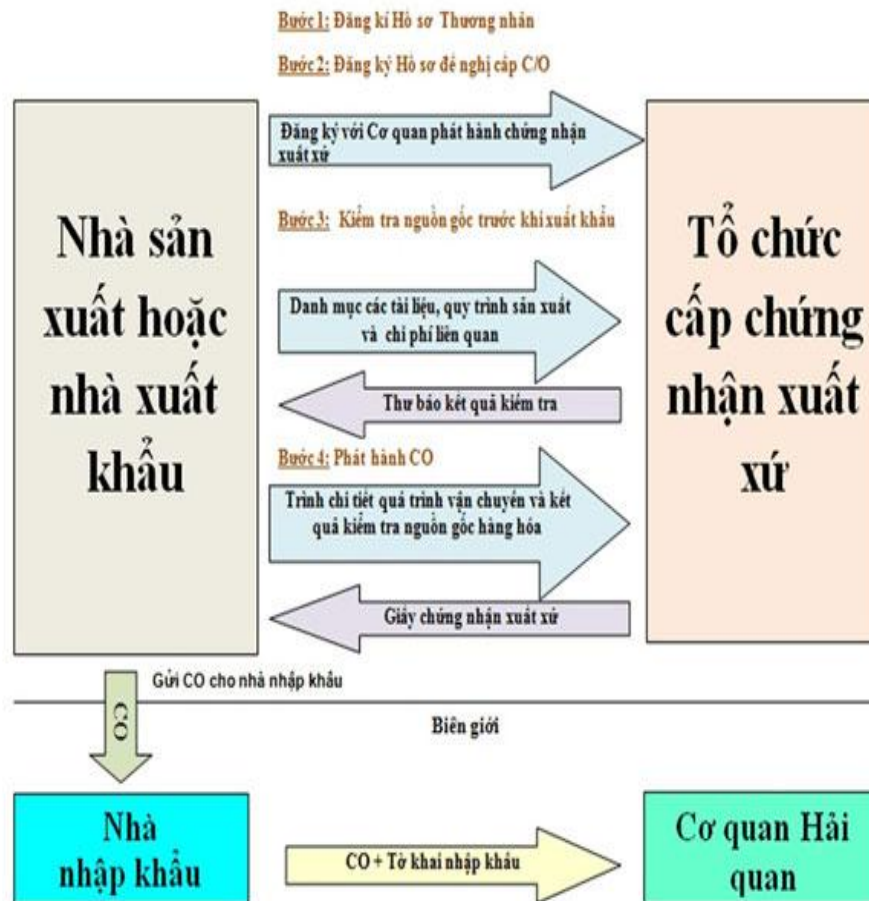
g. Không cần giấy chứng nhận xuất xứ cho các chuyến hàng nhỏ

Nếu giá trị tính toán (CIF) của một chuyến hàng thuộc diện hàng ưu đãi có trị giá nhỏ hơn 200.000 yên thì không cần thiết phải xuất trình giấy chứng nhận xuất xứ khi xin giấy phép nhập khẩu. Trong trường hợp này, các mặt hàng được xác nhận bằng cách kiểm tra lại hoá đơn và các chứng từ tài liệu khác.



TTBD ĐBDC





Sơ đồ 1: Quy trình đăng ký C/O
(Nguồn: JETRO)

Bảng 2.1: Quy trình đăng ký C/O

2. Yêu cầu cơ bản của Nhật Bản đối với một số hàng hóa nhập khẩu

2.1. Yêu cầu của hàng hóa là thủy sản:

Việc nhập khẩu các mặt hàng hải sản và thực phẩm chế biến vào thị trường Nhật Bản cần tuân theo các luật sau đây:

- Luật Thương mại quốc tế và Trao đổi ngoại hối.
- Luật về An toàn vệ sinh thực phẩm.
- Luật Hải quan.

2.1.1. Luật Thương mại quốc tế và Trao đổi ngoại hối

Việc nhập khẩu hải sản vào thị trường Nhật Bản chịu những hạn chế nhất định, được liệt kê dưới đây:

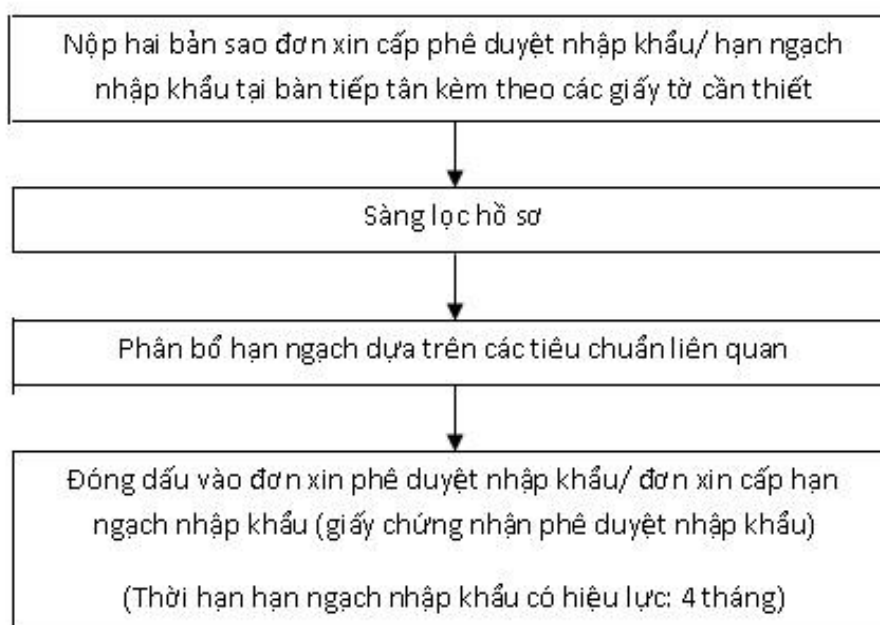
- Hạn ngạch nhập khẩu
- Phê duyệt nhập khẩu

- Xác nhận nhập khẩu (xác nhận trước/ xác nhận tại điểm làm thủ tục thông quan)

a. Hạn ngạch nhập khẩu

Việc nhập khẩu những mặt hàng hải sản dưới đây cần tuân thủ theo hạn ngạch nhập khẩu theo quy định của Luật thương mại quốc tế và trao đổi ngoại hối. Nhà nhập khẩu các loại hải sản này cần có giấy chứng nhận hạn ngạch nhập khẩu và phê duyệt nhập khẩu của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Các mặt hàng này bao gồm: cá trích (tiếng Nhật: nishin), cá tuyết (tiếng Nhật: tara), cá đuôi vàng, cá thu, cá ngừ, horse mackerel, cá thu đao, sò điệp, mắt sò điệp, mực... (tươi sống, ướp lạnh, đông lạnh, phi lê hoặc khô).

Có bốn cách thức phân bổ hạn ngạch bao gồm phân bổ hạn ngạch dành cho các công ty thương mại (cấp hạn ngạch dựa trên hoạt động trước đó), phân bổ hạn ngạch dành cho các công ty kinh doanh hải sản, hạn ngạch tiêu dùng và phân bổ hạn ngạch trên cơ sở hoạt động lần đầu. Các công ty nhập khẩu mới bắt đầu hoạt động, về lý thuyết, cần xin phân bổ hạn ngạch hoạt động lần đầu (việc phân bổ hạn ngạch có thể được thực hiện theo hình thức bốc thăm), nếu không họ có thể nhận được phân bổ hạn ngạch cấp lại từ các công ty đã được cấp hạn ngạch.



Bảng 2.2.1: Quy trình xin cấp hạn ngạch nhập khẩu

Nguồn Cục xúc tiến thương mại

b) Phê duyệt nhập khẩu

Để nhập khẩu các loại hải sản dưới đây, công ty nhập khẩu cần nhận được bản phê duyệt nhập khẩu do Bộ Thương mại cấp từ trước:

- Cá ngừ vây xanh (bluefin) (Những loại được nuôi ở Đại Tây Dương hoặc biển Địa Trung Hải và các loại hải sản tươi sống hoặc hải sản ướp lạnh).

- Cá ngừ vây xanh miền Nam (Các loại tươi sống hoặc ướp lạnh, trừ những loại được nhập khẩu từ Ôxtrâyliya, New Zealand, Philippines, Hàn Quốc hoặc Đài Loan).

- Cá ngừ mắt to và cá ngừ mắt to đã qua sơ chế (Những loại được nhập khẩu từ Bolivia/Georgia) và các loại cá, các loại giáp xác, các loại không xương sống và các loại thực phẩm sơ chế từ các loại cá này, cũng như các loại thực phẩm làm từ động vật có sử dụng cá, các loài giáp xác và các loại động vật thân mềm.

c) Xác nhận nhập khẩu cấp trước

Để nhập khẩu các loại hải sản dưới đây, cần xin xác nhận nhập khẩu từ Bộ Thương mại trước khi nhập khẩu hàng hoá:

- Cá ngừ vây xanh đông lạnh, cá ngừ vây xanh miền Nam, cá ngừ mắt to, và cá kiếm.

- Cá ngừ (trừ các loại như cá ngừ albacore, cá ngừ vây xanh, cá ngừ vây xanh miền Nam và cá ngừ mắt to) và cá maclin (trừ cá kiếm) được nhập khẩu bằng đường biển (cá tươi sống, ướp lạnh và đông lạnh).

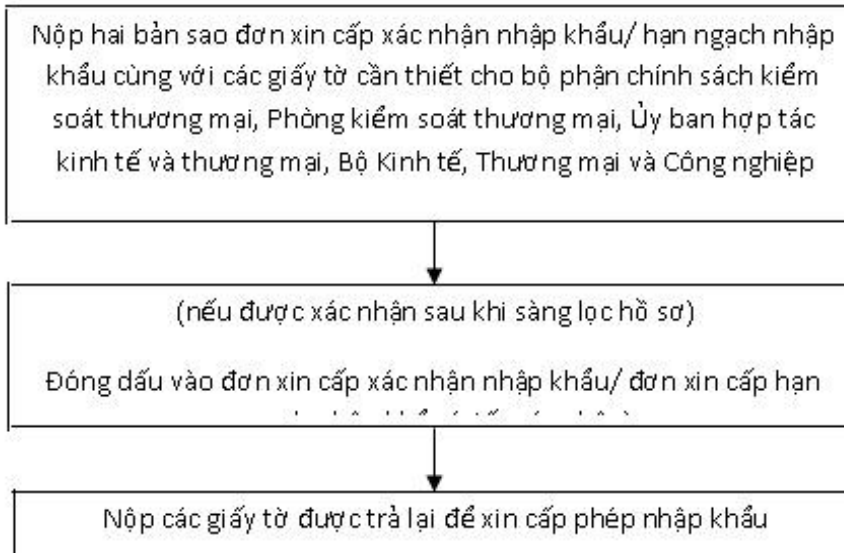
d) Xác nhận nhập khẩu tại điểm thông quan

Khi nhập khẩu các loại hải sản dưới đây, các loại giấy tờ cần thiết phải nộp bao gồm giấy chứng nhận thông kê, giấy chứng nhận đánh bắt và giấy chứng nhận tái xuất khẩu để được các cơ quan hải quan cấp xác nhận nhập khẩu.

- Cá ngừ vây xanh (tươi sống/ướp lạnh).

- Cá ngừ vây xanh miền Nam (tươi sống/ướp lạnh).

- Cá kiếm (tươi sống/ướp lạnh).



*Bảng 2.2.1.1 Quy trình xin cấp chứng nhận nhập khẩu
Nguồn Cục xúc tiến thương mại*

2.1.2. Quy định về hải quan

Theo Luật kinh doanh hải quan, nhà nhập khẩu cần tự khai báo nhập khẩu hoặc uỷ quyền cho các công ty có thẩm quyền như các công ty chuyên làm các thủ tục hải quan (bao gồm cả các trung gian chuyên thực hiện các dịch vụ thông quan) thực hiện.

Để hàng hoá từ một nước khác được phép nhập khẩu vào Nhật Bản, cần khai báo hàng nhập khẩu với cơ quan hải quan tương ứng tại kho ngoại quan nơi hàng hoá được lưu kho. Đối với những hàng hoá cần kiểm dịch, sẽ phải thực hiện kiểm dịch trước. Sau khi đã thanh toán các loại thuế và phí nhập khẩu, các loại thuế tiêu dùng của quốc gia và địa phương, trên lý thuyết hàng hoá sẽ được cấp phép nhập khẩu.

Các giấy tờ cần thiết để được phép nhập khẩu được tổng hợp dưới đây theo danh sách các cơ quan thu các giấy tờ đó.

Nộp cho	Các giấy tờ cần thiết	Hải sản	Thực phẩm chế biến
Hạn ngạch nhập khẩu *1 Văn phòng các sản phẩm nông và hải sản, Ban chính sách kiểm soát thương mại, Phòng kiểm soát thương mại, Cục hợp tác kinh tế và thương mại, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp	Đơn xin phê duyệt/hạn ngạch nhập khẩu		
Phê duyệt nhập khẩu *2 Văn phòng các sản phẩm nông và hải sản, Ban chính sách kiểm soát thương mại, Phòng kiểm soát thương mại, Cục hợp tác kinh tế và thương mại, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp	Bảng liệt kê nguyên liệu/ thành phần thực phẩm		
	Thỏa thuận nhập khẩu Xác nhận nhập khẩu do Cơ quan thủy sản Nhật Bản ban hành		
Xác nhận nhập khẩu (trước khi thông quan) *3 Văn phòng các sản phẩm nông và hải sản, Ban chính sách kiểm soát thương mại, Phòng kiểm soát thương mại, Cục hợp tác kinh tế và thương mại, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp	Đơn xin xác nhận nhập khẩu		
Xác nhận nhập khẩu (khi làm thủ tục thông quan) *4 Văn phòng các sản phẩm nông và hải sản, Ban chính sách kiểm soát thương mại, Phòng kiểm soát thương mại, Cục hợp tác kinh tế và thương	Giấy chứng nhận thống kê cá ngừ vây xanh *5		
	Giấy chứng nhận thống kê cá ngừ vây xanh miền Nam *5		
Các cơ quan kiểm soát thực phẩm nhập khẩu thuộc các trạm kiểm dịch, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội	Đơn thông báo về việc nhập khẩu thực phẩm	-	o
	Bảng nguyên liệu/ thành phần thực phẩm	-	o
	Sơ đồ quy trình sản xuất	-	o
	Bảng kết quả phân tích do cơ quan kiểm dịch được chỉ định ban hành (nếu đã	-	o

	từng nhập khẩu thực phẩm)		
Các văn phòng hải quan địa phương (Thông quan theo Luật hải quan)	Tờ khai nhập khẩu	o	o
	Hóa đơn	o	o
	Phiếu đóng gói	o	o
	Vận đơn đường biển hoặc vận đơn hàng không	o	o

Bảng 2.2.1.2: Các giấy tờ cần thiết để thông quan hàng nhập khẩu

Nguồn: Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp; Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội; Bộ Tài chính.

*1: Đối với việc nhập khẩu hàng hóa không được tự do hóa.

*2: Đối với việc nhập khẩu các hàng hóa sau: (1) cá hồi và thực phẩm sơ chế; (2) cá, loài giáp xác, động vật thân mềm và tảo biển; (3) thực phẩm có nước xuất xứ hoặc nước đăng ký trong số các nước Iraq, Belize, Honduras, Ghi-nê xích đạo; (4) động vật, thực vật và thực phẩm chế biến được liệt kê trong Phụ lục II và III, Hiệp định thương mại quốc tế các loài động thực vật có khả năng tuyệt chủng (CITES).

*3: Đối với việc nhập khẩu cá ngừ, cá maclin...

*4: Đối với việc nhập khẩu cá ngừ vây xanh tươi hoặc ướp lạnh hoặc cá ngừ vây xanh miền nam.

*5: Tài liệu bao gồm các thông tin chi tiết về bất kỳ giao dịch thương mại nào như chứng từ kinh doanh cá ngừ vây xanh hoặc cá ngừ vây xanh miền nam, về lý thuyết, cần có xác nhận của cơ quan quản lý tàu đánh cá đã bắt được cá ngừ hoặc tổ chức công nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản của nước xuất khẩu.

2.1.3. Luật vệ sinh an toàn thực phẩm

Luật vệ sinh an toàn thực phẩm của Nhật Bản ban hành năm 1947, được sửa gần đây nhất vào ngày 26/7/2005; gồm 11 chương và 79 điều. Dưới đây là các qui định trong luật vệ sinh an toàn thực phẩm của Nhật Bản đối với hàng thủy hải sản nhập khẩu từ nước ngoài.

Để phù hợp với Thông báo số 370 của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội về "Tiêu chuẩn đối với thực phẩm và phụ gia thực phẩm" được ban hành theo Luật an toàn vệ sinh thực phẩm và các tiêu chuẩn đối với dư lượng thuốc trừ sâu... (bao gồm cả phụ gia thức ăn động vật và dược phẩm dành cho động vật), hải sản và các loại thực phẩm chế biến cần tuân thủ theo các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm. Các biện

pháp được tiến hành nhằm đánh giá các loại và chi tiết về thành phần thực phẩm, và kiểm định các loại và thành phần phụ gia, dư lượng thuốc trừ sâu, độc tố nấm... Lệnh cấm nhập khẩu thực phẩm có thể được áp dụng trong trường hợp một loại phụ gia, thuốc trừ sâu hoặc các thành phần khác bị cấm lưu hành tại Nhật Bản, hoặc trong trường hợp mức độ quá mức độ cho phép hoặc khi độc tố nấm vượt quá mức độ cho phép. Theo đó, hải sản và các loại thực phẩm chế biến sẽ được kiểm tra tại điểm sản xuất trước khi nhập khẩu. Nếu mức độ vượt quá tiêu chuẩn của Nhật Bản, sẽ có các hướng dẫn cụ thể.

Quy định về dư lượng hóa chất kháng sinh trong thực phẩm thủy sản

Quy định này chính thức được áp dụng từ ngày 29/5/2006. Và được áp dụng đối với các mặt hàng thủy sản và các loại thực phẩm thủy sản: Cá, giáp xác, nhuyễn thể có vỏ và các loài động vật thủy sản khác sống dưới nước. Quy định này nêu rõ danh sách những chất kháng sinh bị cấm sử dụng trong thực phẩm thủy sản tại Nhật và mức dư lượng mặc định tối đa (mức sử dụng tối thiểu) một số chất trong hàng thủy sản. Danh sách các chất đưa vào qui định bao gồm:

- + Các chất cấm hoàn toàn: 15 chất, nhóm chất (trong đó 8 chất, nhóm chất giống qui định của Việt Nam).
- + Các chất được qui định mức dư lượng tối đa: 61 chất, nhóm chất.
- + Các chất được áp dụng mức dư lượng tạm thời: 799 chất, nhóm chất, trong đó có 116 chất liên quan đến thực phẩm thủy sản.
- + Các chất khác được áp dụng mức dư lượng mặc định tối đa (mức cho phép): 0,01 ppm.

Danh mục các chất được xây dựng dựa theo quy định của Codex, Mỹ, Canada... theo bảng dưới đây:

STT	tên chất/nhóm chất	Việt Nam	Mỹ	Canada	EU	Nhật Bản
1	2,4,5-T					X
2	Cyhexatin,Azocyclotin					X
3	Amitrole					X
4	Captafol					X
5	Carbadox					X
6	Coumaphos					X
7	Chloramphenicol(1)	X	X	X	X	X
8	Chlorpromazine	X			X	X
9	Diethylstilbestrol(DES)(4)	X	X	X		X
10	Dimetridazole(3)	X	X	X	X	X
11	Daminozide					X
12	Nitrofurantoin(Bao gồm cả Furazolidone)(2)	X	X	X	X	X
13	Propham					X
14	Metronidazole(3)	X	X	X	X	X
15	Ronidazole(3)	X	X	X	X	X
16	Ipronidazole(3)	X	X	X		
17	Các Nitroimidazole khác 3)	X	X	X		
18	Clenbuterol(1)	X	X	X		
19	Các Glycopeptide	X	X			
20	Các Fluoroquinolone(5)	X	X			MRL tạm thời
	Danofloxacin					0,1 ppm
	Difloxacin					0,3 ppm
	Enrofloxacin					0,1 ppm
	Flumequine					0,5 ppm
	Sarafloxacin					0,03 ppm
21	Aristolochia spp và các chế phẩm từ chúng	X			X	
22	Chloroform	X			X	
23	Colchicine	X			X	
24	Dapsone	X			X	
25	Trichlorfon	X				0,004ppm
26	Green malachite	X				

Bảng 2.2.1.3: Các chất cấm sử dụng so với quy định hiện hành Việt Nam, EU, Nhật Bản

Nguồn cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản

Chú thích: X là không cho phép sử dụng và ppm là đơn vị của mức dư lượng mặc định tối đa.

Các tiêu chuẩn về dư lượng thuốc trừ sâu được thực hiện thông qua hệ thống phủ nhận tới năm 2006. Theo đó, các loại thuốc trừ sâu sẽ không chịu sự kiểm soát nếu không có quy định gì dành cho chất đó. Tuy nhiên, luật sửa đổi đã áp dụng hệ thống

xác thực, do đó, hiện nay việc phân phối các sản phẩm trên lý thuyết bị cấm nếu sản phẩm đó có chứa một chất cụ thể nào đó, thậm chí ngay cả khi không có luật quy định. Hệ thống danh sách xác thực được áp dụng với tất cả các mặt hàng thực phẩm, bao gồm cả thủy sản nuôi hoặc thủy sản tự nhiên.

Từ năm 2011, các mặt hàng hải sản chịu kiểm dịch bắt buộc theo quy định của Bộ Y tế (Kiểm dịch tất cả các lô hàng theo quy định của Bộ Y tế nhằm đảm bảo không có các mặt hàng thực phẩm có khả năng cao vi phạm Luật an toàn vệ sinh thực phẩm). Các mặt hàng thực phẩm chịu kiểm dịch bắt buộc, không tính theo nước xuất xứ, bao gồm trứng cá hồi và cá nóc. Thêm vào đó, các loại tôm nuôi tại Thái Lan (Kiểm tra oxolinic acid) và tôm được sản xuất tại Việt Nam (kiểm tra chloramphenicol, nitrofurans...) cũng chịu quy định kiểm dịch bắt buộc.

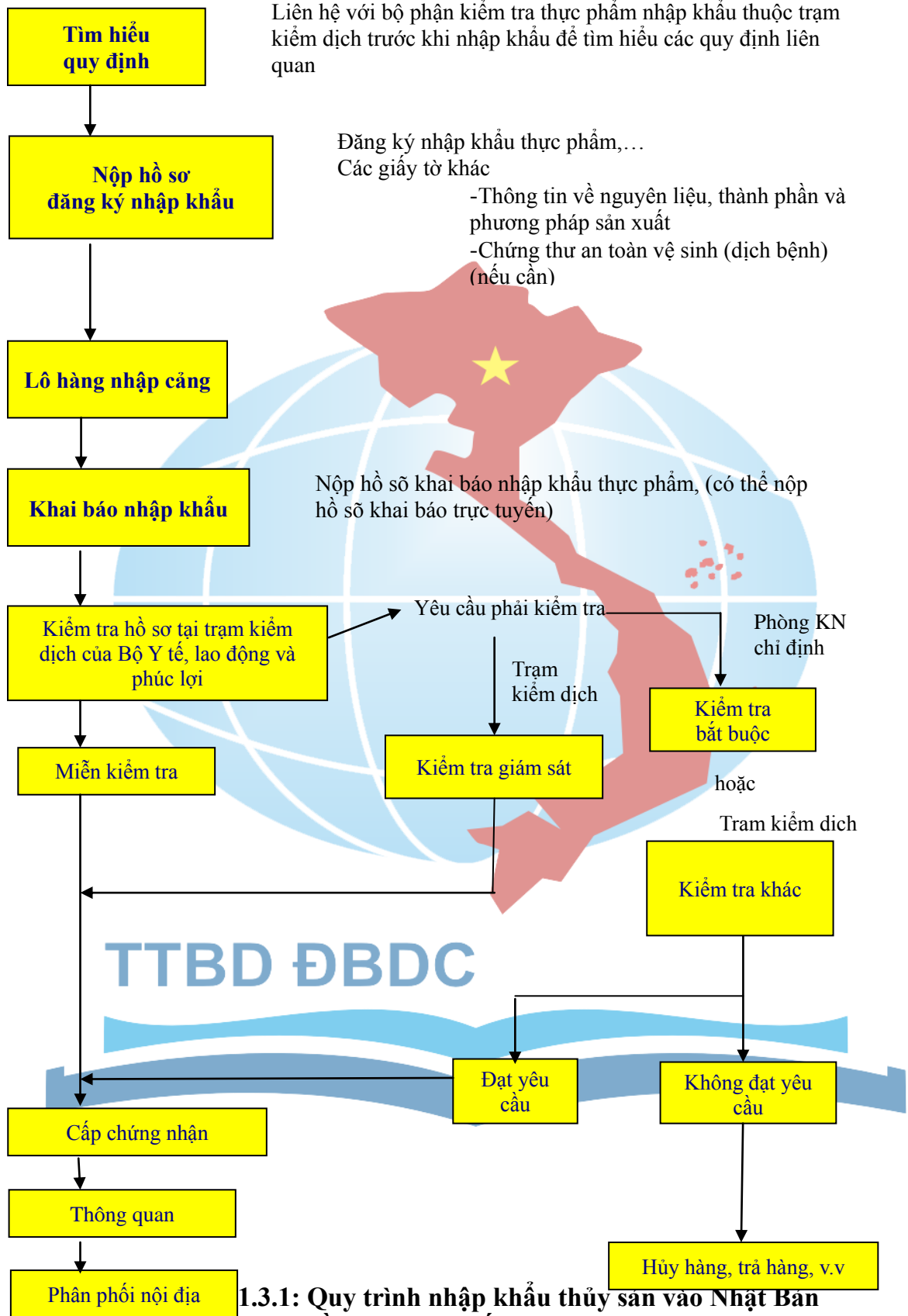
Mức giới hạn trên được áp dụng đối với kiểm dịch ở trên là 0,002 ppm đối với fenitrothion and 0,01 ppm đối với oxolinic acid, acetochlor và triazophos. Các chất nitrofurans và chloramphenicol không được phép có trong thực phẩm.

Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản nhập khẩu vào Nhật Bản

Sơ đồ tự thực hiện (Hệ thống tự động NACCS của hải quan Nhật)

Hệ thống tự thực hiện này cho phép người khai báo nhập vào máy tính những thông tin liên quan đến lô hàng, hệ thống này sẽ tự động xử lý thông tin và hiển thị các quy định pháp lý hiện hành liên quan đến lô hàng.

TTBD ĐBDC



1.3.1: Quy trình nhập khẩu thủy sản vào Nhật Bản

Nguồn: Cục xúc tiến thương mại

Các hệ thống kiểm tra thực phẩm thủy sản nhập khẩu khác

Hệ thống kiểm tra thông thường

Hệ thống này thực hiện bằng cách: Lấy mẫu xác suất theo đăng ký của nhà nhập khẩu để các chuyên gia kiểm định của Nhật Bản tiến hành kiểm tra dư lượng các chất kháng sinh cấm sử dụng.

Hệ thống kiểm tra giám sát

Mục đích của hệ thống kiểm tra giám sát là nhằm thu thập dữ liệu thông tin về tình trạng an toàn vệ sinh của các hàng hóa thực phẩm khác nhau được đưa vào Nhật Bản. Trong khi các Trạm kiểm tra của Bộ Y tế Nhật Bản thực hiện phân tích mẫu, hàng vẫn có thể làm thủ tục nhập khẩu mà không cần đợi kết quả kiểm tra.

Hàng năm, hệ thống kiểm tra giám sát nêu rõ loại hàng hóa phải kiểm tra giám sát dựa trên số lượng nhập khẩu hàng năm và thông tin lưu trữ về những vi phạm trong quá khứ đối với mỗi hàng hóa.

Hệ thống kiểm tra khác

Hệ thống kiểm tra này do đích thân Thanh tra thực phẩm của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi thực hiện, đối với:

- Thực phẩm lần đầu tiên được nhập khẩu vào Nhật Bản.
- Thực phẩm không đảm bảo theo qui định của Luật vệ sinh thực phẩm.
- Thực phẩm gặp sự cố trong quá trình vận chuyển.

Hệ thống kiểm tra bắt buộc

Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi Nhật Bản ban hành, sẽ căn cứ vào:

- + Độ rủi ro của thực phẩm.
- + Hiện trạng vệ sinh, an toàn thực phẩm của nước xuất khẩu.
- + Lịch sử vi phạm của sản phẩm.

Để tiến hành kiểm tra bắt buộc đối với các lô hàng liên quan. Nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm thanh toán mọi chi phí kiểm tra trong trường hợp này.

Cấm nhập khẩu toàn diện

Căn cứ lịch sử vi phạm, điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của nước xuất khẩu, nếu thực phẩm nhập khẩu vào Nhật Bản từ một nước hoặc một doanh nghiệp vi phạm Luật Vệ sinh Thực phẩm $\geq 5\%$ trên tổng số thực phẩm được kiểm tra.

Các đối tượng bị cấm nhập khẩu sẽ bị đưa tên lên mạng cảnh báo của Nhật Bản.

Hệ thống kiểm tra khẩn cấp

Dựa trên thông tin phát sinh từ nước xuất khẩu đặc biệt là các thông tin liên quan trực tiếp đến các lô hàng nhập khẩu, các cơ quan có chức năng kiểm tra tại Nhật sẽ tiến hành kiểm tra khẩn cấp các lô hàng nhập khẩu vào Nhật Bản để ngăn chặn kịp thời các sự vi phạm.

*** Biện pháp xử lý đối với các lô hàng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm**

Dưới đây là các biện pháp áp dụng cho các trường hợp vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài:

Biện pháp cho trường hợp: Khi Trạm kiểm dịch hoặc nhà nhập khẩu phát hiện lô hàng không đảm bảo An toàn thực phẩm.

- Nếu chưa thông quan: Trạm kiểm dịch sẽ hướng dẫn nhà nhập khẩu loại bỏ, trả hàng hoặc áp dụng những biện pháp cần thiết khác.

- Nếu đã thông quan: Cơ quan thẩm quyền địa phương sẽ hướng dẫn nhà nhập khẩu triệu hồi.

+ Trạm kiểm dịch báo cáo cho Bộ Y tế về mã số lô hàng, tên và địa chỉ nhà nhập khẩu.

+ Bộ Y tế yêu cầu cơ quan tư pháp địa phương giám sát việc thực hiện thủ tục triệu hồi của nhà nhập khẩu.

Biện pháp áp dụng đối với nhà nhập khẩu có các lô hàng bị phát hiện vi phạm Luật thực phẩm.

- Điều tra nguyên nhân dẫn đến lô hàng vi phạm và báo cáo kết quả cho Trạm kiểm dịch.

- Khi muốn tiếp tục nhập khẩu mặt hàng đã bị vi phạm, nhà nhập khẩu phải chứng minh là đã xác định được nguyên nhân vi phạm và có biện pháp khắc phục hiệu quả; Nhà nhập khẩu có thể sang kiểm tra tại nước xuất khẩu và lấy mẫu kiểm tra cho loại mặt hàng đã vi phạm; Báo cáo kết quả cho Trạm kiểm dịch biên giới.

- Nhà nhập khẩu có thể sẽ bị cấm hoặc đình chỉ kinh doanh khi vi phạm nhiều lần hoặc gây ra mối nguy đối với sức khỏe cộng đồng.

- Các trường hợp vi phạm được công bố trên Website của Bộ.

2.2. Yêu cầu của hàng dệt may

Nhật Bản không có hạn chế gì về nhập khẩu hàng dệt may. Các sản phẩm dệt may sử dụng chất liệu lông hoặc da với mục đích trang trí có thể sẽ phải tuân theo các quy định liên quan đến Công ước Washington.

Việc nhập khẩu hàng hóa phải tuân thủ theo Điều 71 Luật Hải quan, cấm nhập khẩu các mặt hàng giả hoặc các mặt hàng không rõ xuất xứ. Điều 69-11 của Luật Hải quan quy định cấm nhập khẩu các mặt hàng có vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ.

Tuy nhiên trong quá trình lưu hành hàng hóa phải chịu những luật khác:

Quy định tại thời điểm bán hàng.

Nhật Bản có các quy định sau đây liên quan đến việc bán các sản phẩm dệt may:

- Luật Dán nhãn chất lượng hàng gia dụng.
- Luật chống lại việc đánh giá cao sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm.
- Luật Độc quyền và Duy trì Thương mại công bằng (Luật số 54 năm 1947).
- Luật kiểm soát các sản phẩm gia dụng có chứa các chất độc hại.

Các Quy định về nhãn mác

Luật Dán nhãn chất lượng hàng gia dụng và Luật chống lại việc đánh giá cao sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm đưa ra các quy định về nhãn mác đối với các mặt hàng dệt may.

Hàng dệt may cần phải có nhãn mác chứa đầy đủ các thông tin sau đây:

- Thành phần sợi vải.
- Cách thức giặt sản phẩm tại nhà và các biện pháp xử lý khác. Cách thức giặt ủi tại nhà và các biện pháp xử lý sản phẩm khác cần phải ghi rõ sử dụng các ký hiệu được mô tả trong JIS L 0217 (Các ký hiệu nhãn mác đối với việc xử lý các sản phẩm dệt may và cách thức dán nhãn đi kèm).

- Các sản phẩm không thấm nước: Với các sản phẩm dệt may có lớp bọc bên ngoài đặc biệt phải dán nhãn ghi rõ không thấm nước. Đối với các sản phẩm áo mưa, không cần thiết dán nhãn thông tin này trừ khi có lớp bọc bên ngoài với mục đích khác.

- Ghi rõ loại da được sử dụng cho sản phẩm: Các mặt hàng dệt may được sử dụng một phần chất liệu da hoặc da tổng hợp phải dán nhãn ghi rõ loại da phù hợp với

các điều khoản về dán nhãn chất lượng đối với các mặt hàng công nghiệp sử dụng nhiều chất liệu theo Luật Dán nhãn chất lượng hàng gia dụng.

- Tên và địa chỉ hoặc số điện thoại của đơn vị dán nhãn phải được ghi rõ trên nhãn. Đơn vị dán nhãn không phải là bên trực tiếp dán nhãn lên sản phẩm mà là bên có trách nhiệm đối với việc dán nhãn chất lượng sản phẩm. Trong trường hợp sản phẩm nhập khẩu, bên kinh doanh tại Nhật Bản (Thông thường là nhà nhập khẩu) phải ghi rõ tên và địa chỉ hoặc số điện thoại dưới danh nghĩa là đơn vị dán nhãn.

Dán nhãn theo Luật chống lại việc đánh giá cao sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm.

Hàng dệt may phải tuân thủ theo các quy định về dán nhãn nước xuất xứ. Điều này là bắt buộc theo Luật chống lại việc đánh giá cao sai sự thật và mô tả gây hiểu lầm và do Ủy Ban Thương mại công bằng của Nhật Bản quản lý. “Nước xuất xứ” nghĩa là nước diễn ra hoạt động làm thay đổi đáng kể bản chất của sản phẩm.

2.3. Quy định về nhập khẩu cà phê vào thị trường Nhật Bản

Việc nhập khẩu cà phê vào thị trường Nhật Bản cần tuân thủ theo các quy định sau:

- Luật Bảo vệ Thực vật.
- Luật An toàn vệ sinh Thực phẩm .
- Luật Hải quan.

Luật Bảo vệ Thực vật

Hạt cà phê xanh sấy khô chưa qua xử lý nhiệt được coi là sản phẩm tươi, và cần tuân thủ quy trình kiểm dịch thực vật. Quy trình này bao gồm việc quét qua máy kiểm tra sâu bệnh và các loài thực vật có hại, theo Luật Bảo vệ Thực vật. Các thủ tục kiểm dịch được tiến hành tại sân bay và cảng biển dưới sự kiểm soát của các cơ quan kiểm dịch địa phương. Cà phê xay và các sản phẩm chế biến được miễn tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ Thực vật và chỉ cần tuân theo quy trình kiểm dịch an toàn vệ sinh thực phẩm theo Luật An toàn vệ sinh Thực phẩm.

Luật an toàn vệ sinh thực phẩm

Để tuân thủ theo Thông báo số 370 của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội về “Các tiêu chuẩn đối với thực phẩm và phụ gia” theo Luật An toàn vệ sinh Thực phẩm và các tiêu chuẩn về dư lượng thuốc trừ sâu... (có quy định với cả thức ăn và phụ gia thức ăn động vật), các loại cà phê cần tuân thủ theo Quy định về An toàn vệ sinh Thực

phẩm. Luật này nhằm đánh giá các loại và thành phần của nguyên liệu sản phẩm, kiểm tra loại và thành phần các chất phụ gia, dư lượng thuốc trừ sâu, độc tố nấm (mycotoxin) và nhiều chất khác. Quy định cấm nhập khẩu có thể được áp dụng đối với thực phẩm nếu chất phụ gia, thuốc trừ sâu hoặc các thành phần khác bị cấm tại Nhật Bản hoặc khi số lượng vượt quá mức độ cho phép, hoặc khi lượng độc tố nấm... trên mức cho phép. Theo đó, các sản phẩm cà phê sẽ được kiểm tra tại nơi sản xuất trước khi nhập khẩu vào thị trường này. Nếu mức độ vượt quá mức cho phép theo tiêu chuẩn của Nhật Bản, các cơ quan có liên quan sẽ đưa ra hướng dẫn.

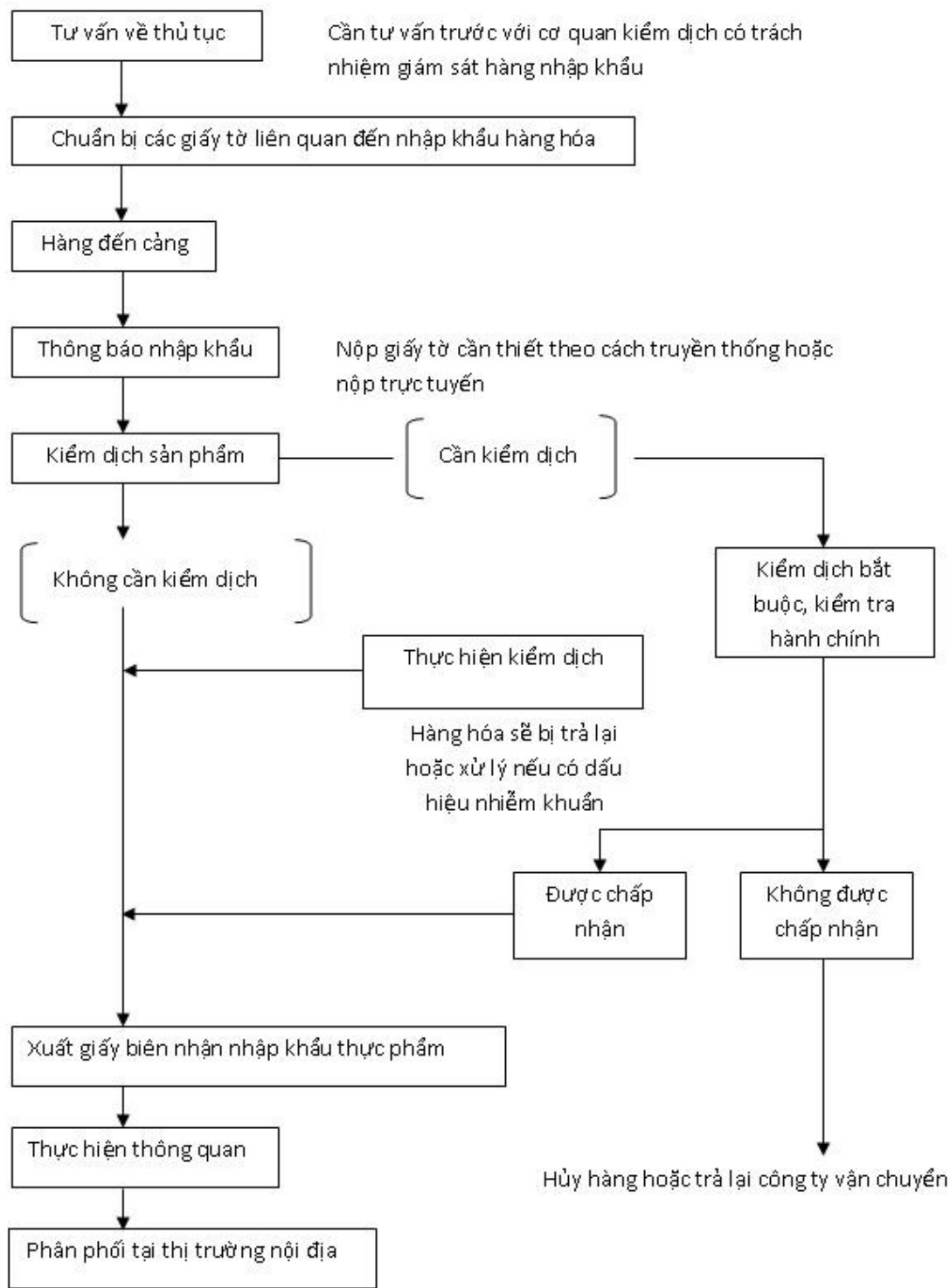
Một hệ thống quy định về tiêu chuẩn dư lượng thuốc trừ sâu được thông qua năm 2006, theo đó nếu không có quy định gì về dư lượng thuốc trừ sâu thì sẽ không bị kiểm soát. Tuy nhiên, sửa đổi Luật đã đưa ra một hệ thống danh sách xác thực. Trên nguyên tắc, hiện nay việc phân phối sản phẩm bị cấm nếu sản phẩm có chứa một hàm lượng nhất định thuốc trừ sâu, thậm chí ngay cả khi không có các quy định liên quan.

Sản phẩm hạt cà phê xanh chịu sự kiểm soát của Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội, phù hợp với chương trình làm việc hàng năm của Bộ này. Nếu sản phẩm bị phát hiện vi phạm quy định về dư lượng thuốc trừ sâu, việc kiểm tra quét qua máy sẽ được thực hiện thường xuyên hơn. Nếu vẫn tiếp tục vi phạm, sẽ áp dụng kiểm tra bắt buộc, theo đó, tất cả các lô hàng sẽ được kiểm tra và chi phí sẽ do nhà nhập khẩu chịu. Kể từ tháng 3 năm 2011, các sản phẩm hạt cà phê xanh bị kiểm tra bắt buộc là các sản phẩm được sản xuất tại Ethiopia, kiểm tra nhiễm γ -BHC (lindane), DDT, thuốc trừ sâu chứa clo (heptachlor) hoặc clođan và các sản phẩm được sản xuất tại Indonesia, kiểm tra nhiễm thuốc diệt côn trùng trên diện rộng carbaryl.

Luật Hải quan

Theo quy định của Luật Hải quan, việc nhập khẩu những loại hàng hóa mà nhãn mác không trung thực về xuất xứ của các thành phần... sẽ bị cấm. Nhà nhập khẩu sẽ phải tự thực hiện khai báo hải quan hoặc uỷ quyền cho các công ty trung gian đủ tiêu chuẩn thực hiện (ví dụ các công ty làm dịch vụ thông quan).

Để được cho phép thông quan các kiện hàng được nhập khẩu vào Nhật Bản, công ty làm thủ tục nhập khẩu cần khai báo với Văn phòng Hải quan tại khu vực ngoại quan mà hàng hoá được lưu kho. Đối với những hàng hoá cần kiểm tra hải quan, trước hết hàng hoá cần phải được kiểm dịch và sau khi trả thuế quan nhập khẩu, thuế tiêu dùng địa phương và quốc gia, trên nguyên tắc hàng hoá sẽ được phép nhập khẩu.



Bảng 2.2.3 Quy trình nhập khẩu cafe vào thị trường Nhật Bản

Nguồn: Cục xúc tiến thương mại

Các giấy tờ cần thiết khi làm thủ tục nhập khẩu được tóm tắt trong Biểu 2, được phân chia theo các cơ quan thu giấy tờ.

Nộp cho	Các giấy tờ cần thiết	Hạt cà phê xanh	Sản phẩm chế biến
Văn phòng thông tin kiểm dịch, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội (Kiểm dịch thực vật theo Luật bảo vệ thực vật)	Đơn xin kiểm dịch hàng nhập khẩu	o	-
	Các giấy chứng nhận an toàn vệ sinh do cơ quan kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu cấp	o	-
Các cơ quan có trách nhiệm giám sát thực phẩm nhập khẩu thuộc các trạm kiểm dịch, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội (Kiểm dịch an toàn vệ sinh thực phẩm theo Luật an toàn vệ sinh thực phẩm)	Đơn thông báo nhập khẩu thực phẩm	o	o
	Bảng liệt kê nguyên liệu/ thành phần thực phẩm	-	o
	Biểu đồ quy trình sản xuất	-	o
	Bảng phân tích kết quả do các kiểm dịch viên được chỉ định phát hành (nếu đã nhập khẩu)	-	o
Văn phòng hải quan địa phương (Thông quan theo Luật hải quan)	Tờ khai nhập khẩu	o	o
	Hóa đơn	o	o
	Bảng kê chi tiết	o	o
	Vận đơn đường biển (B/L) hoặc vận đơn hàng không	o	o

Biểu đồ 2.2.3.1: Các giấy tờ cần thiết để thông quan hàng nhập khẩu

Nguồn: Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Ngư nghiệp; Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội; Bộ Tài chính

Đối với giấy chứng nhận an toàn vệ sinh (chứng nhận kiểm dịch), trên lý thuyết công ty làm thủ tục hải quan cần phải nộp bản gốc để chứng minh sản phẩm không có mầm bệnh hoặc không nhiễm khuẩn vật nuôi, do cơ quan kiểm dịch thực vật tại nước xuất khẩu ban hành phù hợp với Công ước Quốc tế về Bảo vệ Thực vật. Mặc dù Công ước Quốc tế quy định rằng Giấy Chứng nhận An toàn vệ sinh nộp cho cơ quan có thẩm quyền tại nước nhập khẩu phải là bản gốc, tuy nhiên, hai trường hợp sau đây vẫn có hiệu lực tại Nhật Bản, trong trường hợp bản gốc bị thất lạc hoặc nộp bản gốc chậm:

- Bản sao nguyên gốc được ban hành đồng thời cùng bản gốc.
- Bản sao được xác nhận sao y bản chính do cơ quan kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu chứng thực.

2.4. Thực tiễn về việc xuất khẩu rau quả vào thị trường Nhật Bản

Nhật Bản là một trong số ba thị trường xuất khẩu rau và hoa quả lớn nhất của Việt Nam, bên cạnh Trung Quốc và Nga. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có nhiều cơ hội xuất khẩu rau quả sang thị trường Nhật Bản do sự khác biệt về thời tiết và khí hậu giữa miền bắc và miền nam tạo ra nhiều loại rau và hoa quả đa dạng.

Hai năm trở lại đây, lượng tiêu thụ đối với năm loại quả: Chuối, dưa, đu đủ, xoài và bơ trên thị trường Nhật Bản tăng lên do nhận thức của người dân về vấn đề sức khỏe tăng lên. Đây là những đặc sản thế mạnh của Việt Nam.

Ngoài ra, trong 4 tháng đầu năm 2011, Việt Nam đã xuất khẩu 200 tấn thanh long sang Nhật, so với 420 tấn của cả năm 2010. Kể từ khi Nhật Bản dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu thanh long vào ngày 20/10/2009, lượng thanh long tươi của Việt Nam được xuất khẩu sang Nhật Bản khá lớn. Theo các chuyên gia trong ngành, giá thanh long bán buôn tại thị trường Nhật Bản dao động từ 8 - 10 USD/kg. Với mức giá này thì thị trường Nhật Bản được doanh nghiệp Việt Nam đánh giá có lợi nhuận tốt hơn so với nhiều thị trường khác như EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thái Lan...

Theo Vụ Chính sách Thương mại đa biên (Bộ Công Thương), doanh nghiệp Việt Nam hiện có rất nhiều thuận lợi về thuế theo Hiệp định Đối tác Kinh tế Việt - Nhật Bản (VJEPA). Điều quan trọng hiện nay là các doanh nghiệp cần lưu ý hơn đến chất lượng, đặc biệt là áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn GAP (thực hành canh tác tốt).

Việc giảm thuế mạnh mẽ các mặt hàng nông sản xuất khẩu vào Nhật Bản đã mở ra cho các doanh nghiệp cơ hội tăng năng lực cạnh tranh. Cụ thể, theo các Cam kết của VJEPA, Nhật Bản đã Cam kết giảm thuế đối với các mặt hàng tương đương với gần 84% giá trị nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Trong đó, ngay khi VJEPA có hiệu lực, trong số 2.020 dòng thuế nông sản, Nhật Bản đã xóa bỏ ngay đối với 784 dòng, chiếm 36% tổng số dòng thuế nông sản và chiếm 67,6% giá trị hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Các dòng thuế có lộ trình giảm từ 3-5 năm bao gồm 14 sản phẩm có nhiều tiềm năng xuất khẩu như: Đậu tương, gừng, cùng các loại hoa quả là chuối, sầu riêng, chôm chôm. Kim ngạch xuất khẩu những sản phẩm này chiếm khoảng 14% tổng xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản.

Nhật Bản cũng sẽ tiếp tục giảm và loại bỏ thuế nhập khẩu đối với 72 dòng nông sản trong 7 năm và 214 dòng có lộ trình giảm và loại bỏ thuế quan trong 10 năm. Trong đó, đáng chú ý là có các mặt hàng rau, quả chế biến, ngô, sản chế biến.

a. Quy định về thuế suất:

Chính phủ Nhật Bản cấm nhập khẩu các loại rau và hoa quả tươi có chứa đất và các loại cây có kèm theo đất, hoặc các sản phẩm có chứa sâu bọ và nguồn bệnh.

Thuế suất áp dụng cho các sản phẩm rau và hoa quả tươi nhập khẩu như sau:

Chanh: 0%

Hành: 0% đến 8,5% tùy thuộc vào mức giá trên một đơn vị (kg)

Bí ngô, măng tây, bông cải xanh và cà rốt: 3%

Xoài: 3%

Nấm các loại: 4,3%

Quả berry: 5%

Chôm chôm: 5%

Quả cherry: 8,5%

Cam (cung cấp từ tháng 6 đến tháng 9): 16%

Táo: 17%

Cam (cung cấp từ tháng 12 đến tháng 5): 32%

b. Các tiêu chuẩn của ngành

Các tiêu chuẩn của ngành được áp dụng và những hạn chế trong việc xuất khẩu các sản phẩm rau và hoa quả tươi sang Nhật Bản còn tồn tại do chính phủ Nhật cấm nhập khẩu một số sản phẩm rau và hoa quả tươi do những lo ngại về sâu bọ và dịch bệnh.

c. Dư lượng hóa chất

Ngày 29 tháng 5 năm 2006, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi xã hội Nhật Bản (MHLW) đã đưa ra danh sách các loại hóa chất nông nghiệp còn dư trong thực phẩm. Hệ thống này cấm việc phân phối các loại thực phẩm còn chứa hóa chất nông nghiệp cao hơn mức nhất định trong trường hợp chưa có quy định về dư lượng thuốc trừ sâu tối đa (MRLs). Các loại hóa chất nông nghiệp bao gồm thuốc trừ sâu, phụ gia thực phẩm và thuốc thú y.

Hành động này được thực hiện dựa trên Luật sửa đổi của Luật An toàn vệ sinh Thực phẩm (Luật số 55, năm 2003). Luật số 55 yêu cầu MHLW áp dụng các biện pháp sau đây trong vòng 3 năm sau khi ban hành Luật sửa đổi của Luật An toàn vệ sinh Thực phẩm (30 tháng 5 năm 2003).

Hệ thống danh sách các hóa chất nông nghiệp (thuốc trừ sâu, phụ gia thực phẩm và thuốc thú y) – có hiệu lực thi hành từ 29 tháng 5 năm 2006 bao gồm:

- Các loại hóa chất đã có quy định về dư lượng thuốc trừ sâu tối đa (MRLs): gồm 799 chất. Đưa ra quy định về MRLs tạm thời đối với các loại hóa chất nông nghiệp, có tính đến các tiêu chuẩn Mã x (Code x), các quy định về giới hạn của Nhật Bản và các tiêu chuẩn khác được đưa ra dựa trên các đánh giá khoa học: 758 chất. Từ đó, thúc đẩy việc đưa ra quy định về MRLs. Tất cả các loại thực phẩm có chứa hóa chất cao hơn MRLs bị cấm phân phối trong nước.

- Các loại hóa chất chưa có quy định về dư lượng thuốc trừ sâu tối đa (MRLs): Đưa ra quy định về mức độ nhất định không gây tác hại tới sức khỏe con người: 0,01ppm. Các loại thực phẩm bị phát hiện có chứa hóa chất cao hơn mức cho phép bị cấm phân phối trong nước.

- Các loại hóa chất theo quy định của MHLW: Các loại hóa chất không gây tác hại tới sức khỏe con người: 65 chất. Những chất này không thuộc danh sách các hóa chất nông nghiệp đưa ra ngày 29 tháng 5 năm 2006.



TTBD ĐBDC

